

Bản án số: 571/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng;
2. Ông Phạm Văn Sóng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976; cư trú tại Thôn 8, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đào Xuân Đ, sinh năm 1971; cư trú tại Thôn 8, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Bùi Thị H là nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Bà và ông Đào Xuân Đ qua quen biết, phát sinh tình cảm rồi đi đến hôn nhân tự nguyện. Bà và ông Đ đã đăng ký kết hôn ngày 02/12/1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, bà và ông Đ về chung sống cùng nhau tại địa chỉ cư trú hiện tại. Quá trình chung sống hạnh phúc, bà và ông Đ có hai con chung. Năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà đã bắt quả tang ông Đ có quan hệ ngoại tình. Bà và những người thân thích khuyên can nhưng không được. Năm

2014, bà đã nộp đơn xin ly hôn và bà đã rút đơn vì ông Đ đã xin lỗi và hứa sẽ sửa chữa sai lầm. Tuy nhiên sau một thời gian, ông Đ lại tiếp tục có quan hệ ngoại tình. Cùng với nhiều khó khăn trong làm ăn kinh tế, bất đồng quan điểm giữa hai vợ chồng bà ngày càng tăng. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và xảy ra xô xát. Từ tháng 2/2017, bà đã thuê nhà khác và sống ly thân với ông Đ. Nay bà đã mất niềm tin và không còn tình cảm với ông Đ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Bà và ông Đ có hai con chung là Đào Tuấn A sinh ngày 25/8/1996 và Đào Tiến A sinh ngày 28/10/2001. Về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn, quan điểm của bà là con lớn Đào Tuấn A đã thành niên và có đủ khả năng lao động, con Đào Tiến A còn nhỏ đề nghị Tòa án giao cho bà trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng cho con sẽ do bà và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản.

Ông Đào Xuân Đ là bị đơn trình bày nội dung về quan hệ hôn nhân, về con chung với bà Bùi Thị H đúng như đúng như bà H khai. Ông cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là do việc vay vốn, đầu tư làm ăn kinh tế. Từ năm 2013 việc làm ăn của hai vợ chồng gặp nhiều khó khăn, áp lực về việc kinh doanh và trả nợ căng thẳng. Ông cho rằng cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn, bản thân ông cũng có ý thức sửa chữa khuyết điểm, vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái trưởng thành. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do thời điểm gặp khó khăn và vì các con, ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Cháu Đào Tiến A là con chung của bà Bùi Thị H với ông Đào Xuân Đ có ý kiến thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H ly hôn với ông Đ, giao con chung là Đào Tiến A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng về việc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị H với ông Đào Xuân Đ.

Bà Bùi Thị H với ông Đào Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa bà H với ông Đ là hợp pháp. Bà H quyết tâm xin ly hôn với ông Đ vì lý do ông Đ ngoại tình và bà đã mất niềm tin hoàn toàn vào ông Đ. Vì không còn tình cảm nên cuộc sống chung giữa bà với ông Đ ngày càng căng thẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa hai người cũng như với các thành viên trong gia đình. Ông Đ cho rằng giai đoạn này do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Ông Đ không muốn ly hôn với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng bà H vẫn giữ quan điểm ly hôn, ông Đ không muốn ly hôn nhưng cũng không làm thế nào để bà H thay đổi quan điểm. Xét tình

cảm vợ chồng phải được vun đắp của hai bên. Khi một bên quyết tâm chấm dứt thì sự cố gắng chỉ từ một phía sẽ không giữ được đích đến của hôn nhân. Qua đó chứng minh quan hệ giữa bà H với ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H xin ly hôn với ông Đ.

[2] Về nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Bà H và ông Đ có hai con chung là Đào Tuấn A sinh ngày 25/8/1996 và Đào Tiến A sinh ngày 28/10/2001. Cháu Tuấn Anh đã thành niên và có khả năng lao động. Cháu Tiến Anh thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Bà H cũng có mong muốn được trực tiếp nuôi con. Ông Đ không muốn ly hôn nên không có ý kiến. Xét bà H và ông Đ đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng cháu Đào Tiến A có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh của hiện tại của bà H, ông Đ, Hội đồng xét xử xét giao cháu Tiến Anh cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp với lợi ích của cháu. Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên bà H tự nguyện không đề nghị ông Đ cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không buộc ông Đ phải cấp dưỡng cho con.

[3] Bà Bùi Thị H và ông Đào Xuân Đ không đề nghị chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Cho bà Bùi Thị H ly hôn với ông Đào Xuân Đ.

- Giao cho bà Bùi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con là Đào Tiến A, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2001 đến khi con thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Đào Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Bà Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi trong biên lai thu số 0000842 ngày 13/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), bà Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

- Bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Đào Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS H. Thủy Nguyên;
- TANDTP. Hải Phòng;
- UBND xã Thiên Hương, H. Thủy Nguyên
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....

Ngày:(3) - -

V/v tranh chấp(4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....(7)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại

xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:(13).....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....

2. Bị đơn: (16)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....

4. Người làm chứng(22)

5. Người giám định:(23).....

6. Người phiên dịch:(24).....

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....(27)

(28):

..... (2

9)

